

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 03/HĐMB/397- TC/2025

Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất (GT26) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất

Căn cứ vào Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024 của Công ty cổ phần 397 Về việc quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 2229/QĐ-CTCP397 ngày 01/11/2024 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quy định số 1313/QyĐ-CTCP397 ngày 01/7/2024;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu ký ngày 23/12/2025;

Căn cứ Quyết định số 2740/QĐ-CTCP397 ngày 25/12/2025 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 “Về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất (GT26) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất”.

Căn cứ Thông báo số 2741/TB-CTCP397 ngày 25/12/2025 của Công ty cổ phần 397 “Về việc Thông báo kết quả chỉ định thầu Gói thầu: Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất (GT26) thuộc kế hoạch Mua vật tư, phụ tùng, hàng hoá các loại phục vụ sản xuất”;

Căn cứ Văn bản đồng ý ký kết hợp đồng của nhà thầu trúng thầu ngày 25/12/2025.

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày 26/12/2025, Chúng tôi gồm có:

Đại diện chủ đầu tư: (Sau đây gọi là bên A)

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Đại diện là ông: **KIỀU VĂN SÍNH**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Khu Yên Lãng 1, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0203 2211 329

Fax: 0203 3871 299

Tài khoản: 114000142030 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Ưông Bí.

Mã số thuế: 5701435907

Đại diện nhà thầu: (Sau đây gọi là bên B)

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ BỐC XÚC TRẦN CƯỜNG

Đại diện là ông: **TRẦN VĂN TRÀ**

Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số nhà 74, tổ 67, khu Diêm Thủy, phường Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0914.967.740

Tài khoản: 116609096886 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cẩm Phả.

Mã số thuế: 5702101209

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua bán hàng hoá với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

1. Đối tượng hợp đồng:

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa theo danh mục được nêu **chi tiết tại phụ lục kèm** theo hợp đồng. Hàng hóa được nghiệm thu theo số lượng thực tế phát sinh trong tháng.

2. Thời gian giao hàng: Khi có nhu cầu, Bên A sẽ gửi tới Bên B thông báo đơn hàng cụ thể trước thời điểm nhận hàng 03 (ba) ngày để Bên B chuẩn bị hàng hóa. Trường hợp trong vòng 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được đơn hàng của Bên A đặt mà Bên B không thể giao kịp hàng hóa vì vấn đề vận chuyển, thông quan của hàng hóa nhập khẩu thì Bên B phải có thông báo bằng văn bản cụ thể cho Bên A để cùng nhau thống nhất lại thời gian giao hàng của đơn hàng nhưng không được quá 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhận đơn hàng của Bên A.

3. Tiến độ giao hàng: Trong vòng 03 ngày ngay sau khi có thông báo của chủ đầu tư.

4. Địa điểm giao hàng: Tại kho vật tư - Công ty cổ phần 397.

Địa chỉ: khu Nam Tràng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh.

5. Chất lượng hàng hóa: Hàng mới 100%. Sản xuất năm 2024-2025, đảm bảo đúng quy cách chủng loại.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản HĐ (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);

2. Biên bản thương thảo hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. ĐKCT của hợp đồng;
5. ĐKC của hợp đồng;
6. HSDX và các văn bản làm HSDX của nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá trị hợp đồng: **280.648.640 đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, sáu trăm bốn mươi đồng./.*). Đã bao gồm thuế VAT 8% và các chi phí khác.

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.

b) Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).

c) Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị tiền hàng trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao nhận đủ hàng hóa của từng đơn hàng cụ thể, với điều kiện Bên B cung cấp đầy đủ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm: Hóa đơn GTGT, biên bản giao nhận hàng hóa, Giấy chứng nhận CO, CQ đối với hàng hóa nhập khẩu có bản dịch tiếng Việt kèm theo; Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng sản xuất tại Việt Nam hoặc bên B có cam kết chất lượng, xuất xứ, hàng hoá, vật tư với mặt hàng tiêu dùng dưới 5 triệu đối với hàng Việt Nam, dưới 01 triệu đối với hàng nhập khẩu mua sẵn tại các cửa hàng, siêu thị.. và các giấy tờ cần thiết khác.

- Nhà thầu cung ứng vật tư, hàng hóa thì có trách nhiệm cung cấp hóa đơn, chứng từ cho bên A.

Điều 4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

Điều 5. Thời gian thực hiện gói thầu, hợp đồng:

- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 45 ngày.

Điều 6. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Nhu cầu hàng hóa của bên A nằm ngoài phạm vi hợp đồng xong có cùng tính chất với các loại hàng hóa nêu trong gói thầu.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 7. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu 01 trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của các bên:

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Quyền:

- Yêu cầu Bên B cung cấp hàng hóa đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian đã cam kết trong hợp đồng;

- Khiếu nại về chất lượng hàng hóa nếu phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các hồ sơ pháp lý, chứng từ liên quan đến hàng hóa;

b) Nghĩa vụ:

- Thanh toán đúng thời hạn đã ghi trong Hợp đồng. Trường hợp, thanh toán chậm hơn thời gian quy định nêu trên, Bên A sẽ phải thanh toán cho Bên B lãi suất cho số tiền trả chậm theo mức xác định bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam quy định tại thời điểm thanh toán. Tuy nhiên thời gian thanh toán chậm không được quá 20 (hai mươi) ngày kể từ ngày phát sinh số lãi suất thanh toán chậm;

- Tiếp nhận, kiểm nhập hàng hóa nhanh chóng, kịp thời.

2) Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Quyền:

- Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán tiền hàng theo đúng thời hạn và phương thức thanh toán như quy định tại **Điều 3** hợp đồng này.

b) Nghĩa vụ:

- Giao hàng đúng số lượng, chất lượng, địa điểm, thời gian thỏa thuận theo hợp đồng. Trường hợp giao hàng chậm so với thời gian quy định nêu trên, Bên B sẽ phải chịu phạt chậm giao hàng. Giá trị phạt giao chậm được xác định như sau:

$$* G_{\text{ptd}} = (T_{\text{th}} - T_{\text{hs}}) \times G_C \times R \times 1,5$$

G_{ptd} : Giá trị phạt giao hàng chậm
 T_{th} : Thời gian Bên B hoàn thành việc giao hàng (ngày);
 T_{hs} : Thời gian nhận hàng theo thông báo của Bên A (ngày);
 G_C : Giá trị hàng hóa giao chậm;
 R : Lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tại thời điểm giao hàng chậm.

- Tuy nhiên thời gian giao hàng chậm không được quá 03 (ba) ngày kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B nhu cầu nhận hàng cụ thể và giá trị phạt giao hàng chậm không vượt quá 8% (tám phần trăm) giá trị hàng hóa giao chậm;

- Giải quyết các khiếu nại về chất lượng hàng hóa cho Bên A nếu Bên A phát hiện chất lượng, nguồn gốc không đảm bảo như tiêu chuẩn thỏa thuận trong Hợp đồng;

- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ pháp lý, chứng từ liên quan đến hàng hóa cho Bên A.

Điều 9. Tính hợp lệ của hàng hóa

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

Điều 10. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra hàng hóa

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa và giao các tài liệu, chứng từ (kèm theo) theo tiến độ nêu trong Hợp đồng, cụ thể là: Bên B phải cung cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận CO, CQ có bản dịch tiếng Việt kèm theo hoặc cung cấp bản sao y; Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng sản xuất tại Việt Nam hoặc bên B có cam kết chất lượng, xuất xứ hàng hóa, vật tư với mặt hàng tiêu dùng dưới 5 triệu. Các tài liệu kỹ thuật và thương mại phù hợp theo quy định của hợp đồng đã được Bên A chấp thuận.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Kho vật tư - Công ty cổ phần 397. Địa chỉ: Khu Nam Trảng Bạch, phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh. Bên B chịu trách nhiệm bốc hàng từ phương tiện vận chuyển của mình xuống kho của Bên A, với địa điểm do Bên A chỉ định. Bản chính điện tử của hóa đơn hợp lệ được gửi cho Bên A trong ngày giao hàng.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp tại thời điểm giao hàng để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong vòng 03 ngày. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện

kiểm tra hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

Điều 11. Quyền sở hữu trí tuệ và bảo hiểm hàng hóa

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng như sau: Những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho của Bên B và giao hàng do Bên B chịu.

Điều 12. Bảo hành

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới 100%, năm sản xuất 2024 - 2025, chưa qua sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo;

2. Bảo hành đối với hàng hóa: Bảo hành cụ thể như phụ lục chi tiết kèm theo.

Điều 13. Bất khả kháng

Bên B không có trách nhiệm khi không thể cung cấp hàng vì những lý do như dịch bệnh, bạo động, nội chiến, chiến tranh có tuyên chiến hay không, tai nạn, rút ngắn giờ lao động, đình công, đóng cửa nhà máy, cơ sở sản xuất bị sự cố, bên thứ ba không cung cấp nguyên liệu hoặc hàng hóa, bão lụt, hỏa hoạn hoặc bất cứ hoàn cảnh nào khác, dù nằm trong các trường hợp trên hay không, xong ngoài khả năng kiểm soát của Bên B. Tuy nhiên, Bên B sẽ không được miễn trách nhiệm thực hiện công tác bảo hành hoặc cung cấp hàng, cũng như Bên A không thể không chấp nhận cho Bên B thực hiện các công việc này khi những lý do ngăn cản việc thực hiện việc cung cấp hàng phải đình lại.

Điều 14. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện, điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Không được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được hai bên thống nhất và lập thành phụ lục hợp đồng. Phụ lục hợp đồng là một phần không thể tách rời của hợp đồng;

2. Trường hợp quá trình thực hiện nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở đảm bảo lợi ích chung;

3. Trường hợp các bên không tự thương lượng hoặc hòa giải trong 05 ngày thì sự việc tranh chấp sẽ được trình lên Trung tâm trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC)- Trụ sở tại Hà Nội (Tòa nhà VCCI số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội) để giải quyết. Phán quyết của VIAC là quyết định cuối cùng buộc các bên phải tuân theo. Bên có lỗi chịu mọi chi phí.

Điều 15. Hiệu lực hợp đồng

2. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc hợp đồng, hai bên tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bộ có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 (bốn) bộ, bên B giữ 02 (hai) bộ làm cơ sở theo dõi thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A 
CÔNG TY CỔ PHẦN 397



Kiều Văn Sinh

ĐẠI DIỆN BÊN B
**CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG
VÀ BỐC XÚC TRẦN CƯỜNG**



GIÁM ĐỐC
Trần Văn Trà

Phụ lục

KHỐI LƯỢNG CHI TIẾT

(Kèm theo Hợp đồng số 03/HĐMB/397-TC/2025 ngày 26/12/2025 giữa Công ty cổ phần 397 với Công ty TNHH phát triển xây dựng và bốc xúc Trần Cường)

TT	Tên vật tư hàng hóa	ĐVT	Hãng SX /Xuất xứ	Số Lượng	Đơn giá (VNĐ)	Đơn giá trước thuế	Thuế VAT	Thành tiền (VNĐ)	Năm sản xuất	Bảo hành
1	Máy siết bu lông dùng pin (19mm/bl) (40v max) -TW001GM201 (Máy siết bu lông dùng pin MAKITA)	Cái	JAPAN	1	27.500.000	27.500.000	8%	29.700.000	2025	3 tháng
2	Máy siết bu lông dùng pin (12.7MMBL) (18V)-DTW700RTJ (Máy siết bu lông dùng pin MAKITA)	Cái	Trung Quốc	1	26.500.000	26.500.000	8%	28.620.000	2025	3 tháng
3	Lam 450mm	Cái	Trung Quốc	1	954.000	954.000	8%	1.030.320	2024-2025	1 tháng
4	Lưỡi cưa xích hiệu SUNIL 91FOP	Sợi	Trung Quốc	1	553.000	553.000	8%	597.240	2024-2025	1 tháng
5	Máy bơm Ebara DWO/I 300 IE3	Cái	Ý	1	27.400.000	27.400.000	8%	29.592.000	2024-2025	3 tháng
6	Đồng hồ vạn năng Kyoritsu 1110S	Cái	Thái Lan	1	5.578.000	5.578.000	8%	6.024.240	2025	3 tháng
7	Cầu giao hộp đảo chiều 3 pha 3 cực 200A 660V(CDH 3P2N 200 A 660V)	Cái	Việt Nam	1	5.557.000	5.557.000	8%	6.001.560	2025	3 tháng
8	Ống ren kẽm Φ60	Ống	Việt Nam	6	170.000	1.020.000	8%	1.101.600	2024-2025	1 tháng
9	Cầu chì sứ	Cái	Việt Nam	5	350.000	1.750.000	8%	1.890.000	2024-2025	1 tháng
10	Vò cầu chì	Cái	Việt Nam	2	185.000	370.000	8%	399.600	2024-2025	1 tháng
11	Vòng bi 6006	Cái	Trung Quốc	2	300.000	600.000	8%	648.000	2024-2025	3 tháng
12	Ampe kim kyoritsu 2002Pa	Cái	Thái Lan	1	7.586.000	7.586.000	8%	8.192.880	2025	3 tháng
13	Nhựa mica trong 6mm 1.22x3m	Mét	Việt Nam	3,66	1.500.000	5.490.000	8%	5.929.200	2024-2025	3 tháng
14	Phấn đá cơ khí	Hộp	Việt Nam	5	250.000	1.250.000	8%	1.350.000	2024-2025	1 tháng
15	Đồng hồ C02 36V	Cái	Trung Quốc	3	780.000	2.340.000	8%	2.527.200	2024-2025	1 tháng
16	Đầu cốt đồng 4	Cái	Việt Nam	200	9.000	1.800.000	10%	1.980.000	2024-2025	1 tháng
17	Đầu cốt đồng 6	Cái	Việt Nam	300	11.000	3.300.000	10%	3.630.000	2024-2025	1 tháng
18	Đầu cốt đồng 10	Cái	Việt Nam	200	12.000	2.400.000	10%	2.640.000	2024-2025	1 tháng
19	Đầu cốt đồng 16	Cái	Việt Nam	200	14.500	2.900.000	10%	3.190.000	2024-2025	1 tháng
20	Mũi khoan thép 4-32	Cái	Trung Quốc	4	240.000	960.000	8%	1.036.800	2024-2025	1 tháng
21	Lọc dầu hộp số (4120004492)	Cái	Trung Quốc	2	3.600.000	7.200.000	8%	7.776.000	2024-2025	3 tháng
22	Lõi lọc tay chang thủy lực	Cái	Trung Quốc	1	1.406.000	1.406.000	8%	1.518.480	2024-2025	3 tháng
23	Lọc thủy lực 4120003296	Cái	Trung Quốc	1	4.400.000	4.400.000	8%	4.752.000	2024-2025	3 tháng

24	Nhựa bakelite dạng tấm 1000x2000x15mm (Tấm phíp 1000x2000x15mm)	Tấm	Trung Quốc	1	9.840.000	9.840.000	8%	10.627.200	2024-2025	3 tháng
25	Đui sứ E40	Cái	Việt Nam	10	120.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2025	1 tháng
26	Vòng bi 6202	Vòng	Trung Quốc	1	160.000	160.000	8%	172.800	2024-2025	1 tháng
27	Cây trúc 4m	Cây	Việt Nam	54	78.000	4.212.000	8%	4.548.960	2024-2025	1 tháng
28	Buly phi 4v	Cái	Việt Nam	2	105.000	210.000	8%	226.800	2024-2025	1 tháng
29	Phốt lò xo 32x52x8	Cái	Việt Nam	2	240.000	480.000	8%	518.400	2024-2025	3 tháng
30	Bulong 30x250 kèm long đen	Bộ	Việt Nam	5	400.000	2.000.000	8%	2.160.000	2024-2025	1 tháng
31	Bóng đèn sợi đốt 300 E40	Cái	Việt Nam	10	144.000	1.440.000	8%	1.555.200	2024-2025	1 tháng
32	Axeton pha sơn	lít	Việt Nam	15	80.000	1.200.000	8%	1.296.000	2024-2025	1 tháng
33	Khẩu tuýp 3/4 - 24	Cái	Việt Nam	4	220.000	880.000	8%	950.400	2024-2025	1 tháng
34	Khẩu tuýp 3/4 - 27	Cái	Việt Nam	4	220.000	880.000	8%	950.400	2024-2025	1 tháng
35	Khẩu tuýp 3/4 - 32	Cái	Việt Nam	4	240.000	960.000	8%	1.036.800	2024-2025	1 tháng
36	Khẩu tuýp 3/4 - 30	Cái	Việt Nam	3	240.000	720.000	8%	777.600	2024-2025	1 tháng
37	Ống nhựa HDPE D63	Mét	Việt Nam	70	112.000	7.840.000	8%	8.467.200	2024-2025	1 tháng
38	Van khóa đồng D63	Cái	Việt Nam	2	735.000	1.470.000	8%	1.587.600	2024-2025	1 tháng
39	Cút nối ren ngoài nhựa HDPE D63	Cái	Việt Nam	6	106.000	636.000	8%	686.880	2024-2025	1 tháng
40	Phao cơ chống tràn D60 (DN 50)	Cái	Việt Nam	3	2.386.000	7.158.000	8%	7.730.640	2024-2025	3 tháng
41	Cút nối thẳng nhựa HDPE D63	Cái	Việt Nam	10	150.000	1.500.000	8%	1.620.000	2024-2025	1 tháng
42	Dây tết mỡ phi 18mm	Kg	Trung Quốc	60	270.000	16.200.000	8%	17.496.000	2024-2025	1 tháng
43	Hộp chụp attomat nhựa	Cái	Việt Nam	5	35.000	175.000	8%	189.000	2024-2025	1 tháng
44	Bộ tay bơm hơi thẳng kèm đồng hồ	Bộ	Việt Nam	1	335.000	335.000	8%	361.800	2024-2025	3 tháng
45	Nữ sắt Φ12	Bộ	Việt Nam	6	18.000	108.000	8%	116.640	2024-2025	1 tháng
46	Vít sắt Φ6	Cái	Việt Nam	50	15.000	750.000	8%	810.000	2024-2025	1 tháng
47	Vít nở nhựa Φ6	Cái	Việt Nam	50	6.000	300.000	8%	324.000	2024-2025	1 tháng
48	Mặt nạ hàn mic điện tử	Cái	Việt Nam	1	475.000	475.000	8%	513.000	2024-2025	3 tháng

49	Kẹp kim mỏ hàn TIG WP-26	Cái	Trung Quốc	5	16.000	80.000	8%	2024-2025	86.400	1 tháng
50	Chụp kẹp kim mỏ WP-26 2.4mm	Cái	Trung Quốc	5	24.000	120.000	8%	2024-2025	129.600	1 tháng
51	Chụp sứ số 6 mỏ WP-26	Cái	Trung Quốc	10	22.000	220.000	8%	2024-2025	237.600	1 tháng
52	Chụp sứ số 4 mỏ WP-26	Cái	Trung Quốc	10	22.000	220.000	8%	2024-2025	237.600	1 tháng
53	Đầu cốt đồng 1.5	Cái	Việt Nam	100	7.000	700.000	10%	2024-2025	770.000	1 tháng
54	Đầu cốt đồng 2.5	Cái	Việt Nam	100	7.000	700.000	10%	2024-2025	770.000	1 tháng
55	Đầu cốt đồng 70	Cái	Việt Nam	100	45.000	4.500.000	10%	2024-2025	4.950.000	3 tháng
56	Tò vít cách điện 1000V	Cái	Việt Nam	7	105.000	735.000	8%	2024-2025	793.800	1 tháng
57	Kim kẹp ác quy	Cái	Việt Nam	6	80.000	480.000	8%	2024-2025	518.400	1 tháng
58	Ống cao su mềm Φ27	Mét	Việt Nam	50	45.000	2.250.000	8%	2024-2025	2.430.000	3 tháng
59	Đồng hồ nạp ga	Bộ	Trung Quốc	1	2.400.000	2.400.000	8%	2025	2.592.000	1 tháng
60	Máy hút nén	Cái	Trung Quốc	1	4.350.000	4.350.000	8%	2025	4.698.000	1 tháng
61	Đầu nạp ga xanh	Cái	Trung Quốc	3	390.000	1.170.000	8%	2024-2025	1.263.600	1 tháng
62	Bộ máy mài hơi và đá mài 16 chi tiết Air Die Grinder Kit 16pc	Bộ	Trung Quốc	1	1.352.000	1.352.000	8%	2024-2025	1.460.160	1 tháng
63	Van đồng 1 chiều Φ76 (D65)	Cái	Việt Nam	1	1.616.000	1.616.000	8%	2025	1.745.280	1 tháng
64	Ống ren kẽm 1 đầu Φ76 (D65)	Cái	Việt Nam	1	135.000	135.000	8%	2025	145.800	1 tháng
65	Bulong lục giác M8x80	Bộ	Việt Nam	4	30.000	120.000	8%	2024-2025	129.600	1 tháng
66	Vòng bi 6204	Vòng	Trung Quốc	1	180.000	180.000	8%	2025	194.400	1 tháng
67	Phễu nghiêng	Cái	Việt Nam	2	240.000	480.000	8%	2024-2025	518.400	1 tháng
68	Phễu tròn	Cái	Việt Nam	2	340.000	680.000	8%	2024-2025	734.400	1 tháng
69	Xô inox 15 lít	Cái	Việt Nam	6	390.000	2.340.000	8%	2024-2025	2.527.200	1 tháng
70	Chổi sơn nhựa loại to	Cái	Việt Nam	11	48.000	528.000	8%	2024-2025	570.240	1 tháng
71	Dây curoa 8560	Sợi	Trung Quốc	2	180.000	360.000	8%	2024-2025	388.800	1 tháng
72	Bulong M16x90	Bộ	Việt Nam	4	38.000	152.000	8%	2024-2025	164.160	1 tháng
73	Rơ le điện máy nén khí	Cái	Việt Nam	1	270.000	270.000	8%	2025	291.600	1 tháng
74	Công tắc cắt mát	Cái	Việt Nam	6	160.000	960.000	8%	2024-2025	1.036.800	1 tháng
75	Vòi nhựa 1/2	Cái	Việt Nam	5	45.000	225.000	8%	2024-2025	243.000	1 tháng
76	Ô cắm điện 3 lỗ	Cái	Việt Nam	6	90.000	540.000	8%	2024-2025	583.200	1 tháng
77	Thước livo	Cái	Trung Quốc	2	135.000	270.000	8%	2024-2025	291.600	3 tháng
78	Bulong M27x300	Bộ	Việt Nam	1	210.000	210.000	8%	2025	226.800	1 tháng
79	Attomat 20A	Cái	Việt Nam	13	180.000	2.340.000	8%	2024-2025	2.527.200	1 tháng
80	Attomat panasonic 30A	Cái	Việt Nam	9	230.000	2.070.000	8%	2024-2025	2.235.600	1 tháng

81	Má phanh của máy xúc lật	Cái	Trung Quốc	36	540.000	19.440.000	8%	20.995.200	2024-2025	1 tháng
82	Dây cáp lên kính	Mét	Việt Nam	28,5	16.000	456.000	8%	492.480	2024-2025	1 tháng
83	Bulong M20x250 kèm ống suốt	Bộ	Việt Nam	2	62.000	124.000	8%	133.920	2024-2025	1 tháng
84	Ghèn điện vuông 14x16	Cây	Việt Nam	9	45.000	405.000	8%	437.400	2024-2025	1 tháng
85	Công tắc đèn xe oto loại 4 chân	Cái	Việt Nam	1	90.000	90.000	8%	97.200	2024-2025	1 tháng
86	Bộ tay quay dầu	Bộ	Trung Quốc	2	460.000	920.000	8%	993.600	2024-2025	1 tháng
87	Bulong M14x120	Bộ	Việt Nam	4	48.000	192.000	8%	207.360	2024-2025	1 tháng
88	Van đồng MBV tay gạt Φ34	Cái	Việt Nam	2	500.000	1.000.000	8%	1.080.000	2024-2025	1 tháng
89	Đầu ren 1 đầu Φ34 đồng	Cái	Việt Nam	4	100.000	400.000	8%	432.000	2024-2025	1 tháng
90	Kim bóp cốt	Cái	Việt Nam	1	500.000	500.000	8%	540.000	2024-2025	1 tháng
91	Keo vá xăm	Lọ	Trung Quốc	1	560.000	560.000	8%	604.800	2024-2025	1 tháng
92	Ống cao su bố vải Φ27	Mét	Việt Nam	20	95.000	1.900.000	8%	2.052.000	2024-2025	1 tháng
93	Ống nước nhựa mềm Φ25	Mét	Việt Nam	25	35.000	875.000	8%	945.000	2024-2025	1 tháng
	Tổng cộng giá trước thuế					259.558.000				
	Tổng cộng giá sau thuế							280.648.640		